

Số: 53 /GPMT-UBND

Thái Bình, ngày 30 tháng 9 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3084/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Xây dựng kho trung chuyển xăng dầu và hệ thống pha chế xăng E5, cụm pha chế xăng A92 từ condensate tại Thái Bình”;

Xét Văn bản số 23/CV-XDTB ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Công ty Cổ phần Xăng dầu khí Thái Bình về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án “Xây dựng kho trung chuyển xăng dầu và hệ thống pha chế xăng E5, cụm pha chế xăng A92 từ condensate tại Thái Bình” và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 468/TTr-STNMT ngày 20 tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Xăng dầu khí Thái Bình (địa chỉ: Số 545, đường Trần Lãm, phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Xây dựng kho trung chuyển xăng dầu và hệ thống pha chế xăng E5, cụm xử lý condensate pha chế xăng A92 tại Thái Bình” với các nội dung sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng kho trung chuyển xăng dầu và hệ thống pha chế xăng E5, cụm xử lý condensate pha chế xăng A92 tại Thái Bình.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Hòa Bình, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 1000808141 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 30/11/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 05/5/2021.

1.4. Mã số thuế: 1000808141.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh xăng dầu.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích của dự án khoảng 66.929,3 m² thuộc xã Hòa Bình, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Quy mô:

Kho xăng dầu 6.800 m³ (bao gồm 04 bể chứa xăng dầu, 1.500 m³/bể; 04 bể Naphtha 100 m³; 01 bể DO 100 m³; 02 bể condensate 100 m³; 02 bể E100, 50 m³); cầu cảng 1.000 DWT.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với bụi, khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần xăng dầu dầu khí Thái Bình có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *FL*

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND huyện Vũ Thư;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Công ty CP Xăng dầu dầu khí Thái Bình;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VT, NNTNMT *FL*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lại Văn Hoàn

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 52/GPMT-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt;
- Nước thải sản xuất: 02 nguồn (nước rửa trang thiết bị sau khi xuất nhập nguyên liệu, nước vệ sinh đường ống công nghệ);
- Nước mưa nhiễm dầu của dự án.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương nội đồng tiếp giáp phía Tây Bắc dự án, thuộc địa phận thôn Trung Hồng, xã Hòa Bình, huyện Vũ Thư.

2.2. Vị trí xả nước thải:

Nước thải sau hệ thống xử lý được dẫn qua tuyến ống xả vào mương nội đồng, thôn Trung Hồng, xã Hòa Bình, huyện Vũ Thư.

Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2279559,644; Y = 591580,834 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 30 m³/ngày đêm (1,25 m³/giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24/24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu QCVN 29:2010/BTNMT và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT cột A giá trị C (áp dụng hệ số K_q=0,9, K_f=1,2), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Quan trắc tự động, liên tục/định kỳ	Ghi chú
1	pH	-	6 - 9	Không thuộc đối tượng quan trắc nước thải định kỳ, tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	QCVN 29:2010/BTNMT cột A
2	COD	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Dầu mỡ khoáng (tổng hydrocarbon)	mg/l	5		
5	BOD ₅ (20°C)	mg/l	32,4		QCVN 40:2011/BTNMT cột A
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5,4		
7	Sunfua	mg/l	0,216		
8	Tổng nitơ	mg/l	21,6		
9	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	4,32		
10	Coliform	VK /100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, thu gom về hệ thống xử lý nước thải ống bằng HDPE D200.

Nước mưa nhiễm dầu được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng mương bê tông cốt thép B300.

Nước rửa dụng cụ, vệ sinh đường ống công nghệ được thu gom vào các thùng chứa, đưa trực tiếp vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải: Đầu đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 30 m³/ngày đêm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất (xử lý sơ bộ qua bể lắng dầu), nước thải sinh hoạt (xử lý sơ bộ qua bể tự hoại) → Bể điều hoà → Bể keo tụ tạo bông → Bể oxy hóa nâng cao → Bể tuyển nổi → Tắc chứa 1m³ → Cột lọc áp lực → Tắc chứa 3m³ → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 30 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, Polymer, H₂O₂.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, bảo dưỡng trang thiết bị xử lý nước thải.

+ Tuân thủ nghiêm quy trình vận hành, kịp thời phát hiện sự cố đảm bảo nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn hiện hành; trong trường hợp xảy ra sự cố về điện, sử dụng máy phát điện dự phòng đảm bảo cho hệ thống hoạt động bình thường.

+ Ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải, khi có sự cố xảy ra cần ghi chép cụ thể về tình trạng và các biện pháp xử lý.

- Biện pháp ứng phó:

Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, công ty sẽ tạm dừng hoạt động của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải để khắc phục; đồng thời hạn chế tối đa các hoạt động phát sinh nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, che chắn họng xuất nhập tránh nước mưa chảy tràn, sử dụng các vật liệu thấm hút trong trường hợp phát sinh rò rỉ xăng dầu, các vật liệu này sẽ được thu gom và quản lý như CTNH; khi đó, lượng nước thải phát sinh sẽ được lưu giữ tạm thời tại bể lắng dầu và bể điều hòa. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải lưu giữ tạm thời tại bể lắng dầu và bể điều hòa được bơm lại các bể xử lý của hệ thống xử lý nước thải. Nước thải sau xử lý được kiểm tra chất lượng, nước thải chưa đạt yêu cầu để xả thải sẽ được bơm quay vòng về bể lắng dầu để tiếp tục xử lý, nước thải đã xử lý đạt yêu cầu mới xả thải ra nguồn tiếp nhận.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Từ ngày 13/01/2022 đến 08/10/2022.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 2 điểm (Nước thải trước xử lý tại bể điều hòa của Trạm xử lý nước thải; nước thải sau xử lý tại tec chứa $3m^3$ trước khi xả ra nguồn tiếp nhận).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Bảo đảm các yêu cầu của cơ quan quản lý công trình thủy lợi về việc xả nước thải vào công trình thủy lợi theo quy định.

3.3. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án đầu tư phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, gửi cơ quan cấp giấy phép môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải; bảo đảm không xả nước thải chưa đạt quy chuẩn quy định ra ngoài môi trường.

3.7. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2.

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 03/GPMT-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải; công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Đối với bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển:
 - + Thường xuyên vệ sinh sân, đường nội bộ, định kỳ tưới ẩm vào mùa khô hanh.
 - + Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển.
 - + Các xe đỗ chờ bơm hút nhiên liệu và sản phẩm đều được tắt máy.
 - + Duy trì các dải cây xanh.
- Đối với hơi xăng dầu:
 - + Yêu cầu các nhân viên trong kho xăng dầu nghiêm túc tuân thủ các nguyên tắc an toàn trong lao động, đặc biệt là trong quá trình bơm hút xăng dầu, nguyên liệu để hạn chế hơi xăng phát sinh.
 - + Các hoạt động xuất nhập xăng dầu, nguyên liệu, pha chế xăng tại dự án đều được thực hiện theo quy trình khép kín.
 - + Nhân viên kho xăng dầu thường xuyên được đào tạo, nâng cao tay nghề để tiến hành các hoạt động một cách nhanh gọn, hạn chế khả năng phát tán hơi xăng dầu ra môi trường.

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý khí thải từ hoạt động của dự án bảo đảm theo quy định.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 58/GPMT-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Hoạt động của các phương tiện giao thông khu vực xuất nhập dầu gần cổng ra vào.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Khu vực cổng ra vào: Tọa độ X=2267428, Y=589001 (m) (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', vĩ chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT; cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	Không quy định	Khu vực thông thường
2	70	55		Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	60	55	Không quy định	Khu vực thông thường
2	70	60		Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên bảo dưỡng định kỳ máy bơm hút xăng dầu và các thiết bị khác, kiểm tra độ mòn của các chi tiết máy và tra dầu bôi trơn định kỳ;

- Đối với các khu vực có độ ồn cao: Không bố trí nhân viên làm việc liên tục, mà thay phiên trong khoảng thời gian 30-40 phút;

- Xe bồn xitec trong thời gian chờ hút xăng dầu phải tắt máy, giảm thiểu tiếng ồn phát sinh;

- Tăng cường trồng cây xanh xung quanh khu vực hàng rào, để giảm lượng bức xạ mặt trời, tiếng ồn và ngăn bụi phát tán ra khu vực xung quanh, đồng thời còn tạo ra cảnh quan xanh – sạch – đẹp cho khu vực thực hiện dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 78/GPMT-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	160106	Rắn	2
2	Giẻ lau dính dầu	180202	Rắn	4
3	Bùn thải đáy bể nhiễm dầu	010402	Bùn	5
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	170203	Lỏng	3
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	180103	Rắn	2
6	Xăng dầu thải	170602	Lỏng	4
Tổng				20

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Chủng loại	Khối lượng phát sinh (kg/tháng)
1	Rác thải sinh hoạt	210
Tổng khối lượng		210

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại:

+ Diện tích 10m²; trong kho bố trí 06 thùng dung tích 50 lít có nắp đậy để lưu chứa các loại chất thải nguy hại.

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho có tường xây gạch, nền bê tông cao hơn cốt nền chung chống ngập úng, mái lợp tôn, cửa sắt.

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Sử dụng 03 thùng đựng rác nắp lật, mỗi thùng có thể tích 5 lít/thùng, đặt tại khu nhà vệ phòng, nhà điều hành, khu vực nấu ăn.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa: Dự án không bố trí khu tập kết rác thải sinh hoạt tập trung, chất thải rắn sinh hoạt từ các thùng chứa được thu gom và chuyển giao hàng ngày cho đơn vị đủ chức năng vận chuyển, xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu theo nội dung Kế hoạch ứng phó, sự cố tràn dầu của Công ty Cổ phần xăng dầu dầu khí Thái Bình được UBND tỉnh Thái Bình phê duyệt tại Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 23/4/2014 và thực hiện ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 13/GPMT-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm của chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy định tại Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.